TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 78/2019/DS-ST. Ngày 04-12-2019. V/v tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Như Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vương Văn Mum;

Ông Lê Đình Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huỳnh Như là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thướng - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 226/2019/TLST-DS ngày 08 tháng 10 năm 2019 về "Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2019/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2019; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Hồ Thị C, sinh năm 1969; địa chỉ: Ấp G, xã L, huyện Tr, tỉnh TN- Có mặt.

- *Bị đơn:*

Ông Đỗ Văn Đ, sinh năm 1970- Vắng mặt, được triệu tập hợp lệ lần thứ hai.

Bà Nguyễn Thị Mỹ T, sinh năm 1973- Vắng mặt có đơn xin.

Ông Đ, bà T cùng địa chỉ: Ấp L xã G, huyện Tr, tỉnh TN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Hồ Thị C trình bày:

Bà và ông Đ, bà T không có bà con dòng họ gì cả chỉ là chổ quen biết vì

bà là bạn học của ông Đ. Bà cho ông Đ, bà T vay tiền 03 lần, cụ thể như sau:

- Lần 1: Ngày 24-01-2018 bà cho ông Đ, bà T vay số tiền 60.000.000 có làm giấy tay do ông Đ viết và ông Đ, bà T ký tên, không thỏa thuận có lãi suất, trong giấy hẹn 20 ngày sau trả nhưng không nghi ngày chính xác.

- Lần 02: Ngày 15-02-2018 bà cho ông Đ, bà T vay số tiền 20.000.000 đồng có làm giấy tay do ông Đ viết giấy và ký tên, không thỏa thuận có lãi suất, hẹn khi nào hốt hụi sẽ trả nhưng trong giấy không có ghi ngày cụ thể.

- Lần 03: Ngày 22-3-2018 bà cho ông Đ, bà T vay số tiền 20.000.000 đồng có làm giấy tay do một mình ông Đ viết giấy và ký tên, không có thỏa thuận lãi suất, hẹn khi nào hốt hụi sẽ trả nhưng trong giấy không có ghi ngày cụ thể.

Tổng cộng 03 lần vay, ông Đ, bà T vay của bà số tiền 100.000.000 đồng.

Ngoài ra, năm 2017 bà có kiện vợ chồng ông Đ, bà T số tiền 180.000.000 đồng. Khi Tòa án mời ra hòa giải, bà T chỉ đồng ý trả số tiền 150.000.000 đồng, còn lại 30.000.000 đồng bà T không đồng ý trả. Sau đó, bà và vợ chồng ông Đ, bà T thỏa thuận với nhau là vợ chồng ông Đ, bà T có trách nhiệm trả cho bà số tiền 150.000.000 đồng, Tòa án lập biên và ra quyết định công nhận thỏa thuận. Bà xin rút lại yêu cầu đối với số tiền 30.000.000 đồng và ông Đ làm giấy thỏa thuận ngày 19-9-2017 hẹn trả dần số tiền này trong 03 tháng.

Trong giấy nợ ngày 15-02-2018 và ngày 22-03-2018 không có chữ ký của bà T vợ ông Đ vì bà T đi làm ở thành phố Hồ Chí Minh không có nhà nên chỉ có một mình ông Đ làm giấy và ký tên. Nhưng bà T có nói chuyện điện thoại với bà và biết việc vay tiền này. Việc giao nhận tiền tại nhà bà, lần đầu do hai vợ chồng ông Đ, bà T nhận tiền; còn 02 lần sau chỉ có 01 mình ông Đ nhận tiền. Bà không biết mục đích ông Đ vay tiền để làm gì, chỉ biết ông Đ nói vay tiền để mua lúa gạo. Từ ngày vay tiền đến nay ông Đ, bà T chưa trả cho bà được số tiền lãi hay gốc nào cả.

Tại đơn khởi kiện bà yêu cầu ông Đ, bà T trả cho bà số tiền 130.00.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 22-3-2018 đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm. Nay bà thay đổi yêu cầu của mình như sau: Bà yêu cầu vợ chồng ông Đ, bà T trả cho bà số tiền gốc 100.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 22-3-2018 đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm. Một mình ông Đ có trách nhiệm trả cho bà số tiền 30.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 22-3-2018 đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm.

Theo các lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Đỗ Văn Đ trình bày thể hiện trong hồ sơ:

Thừa nhận, ông có vay tiền của bà C nhiều lần như lời trình bày của bà C là đúng, tổng cộng là 100.000.000 đồng. Ngoài ra, vào năm 2017 ông có vay của bà C số tiền 180.000.000 đồng, sau đó bà C khởi kiện ra Tòa án. Tại Tòa ông và vợ là bà T thỏa thuận đồng ý trả cho bà C số tiền 150.000.000 đồng. Tòa án lập

biên bản và ra quyết định công nhận thỏa thuận. Còn lại 30.000.000 đồng ông nhận một mình sẽ trả cho bà C nên ông làm giấy thỏa thuận ngày 19-9-2017 và ký tên. Ông vay tiền của bà C để mua bán gạo, Do việc mua bán bị thua lỗ nên chưa trả cho tiền C. Sau khi vay ông đóng lãi mỗi tháng số tiền 9.000.000 đồng, từ lúc vay đến khoảng tháng 6-2019. Tổng cộng tiền lãi đóng cho bà C được bao nhiêu ông biết. Việc trả lãi không có làm giấy tờ và cũng không ai khác chứng kiến ngoài ông và bà C. Việc vay tiền do ông trực tiếp đi vay và nhận tiền.

Trong 03 lần vay tiền, chỉ có lần vay số tiền 60.000.000 đồng là vợ ông biết và ký tên giấy nợ. Còn những lần sau ông không có nói với vợ. Do lúc đó vợ ông đi làm ở thành phố Hồ Chí Minh, đi thời gian mới về nên khi ông vay tiền không có vợ ông ở nhà nên ông không nói.Trước đây ông đi mua bán gạo, sau đó thua lỗ thì vợ ông đi làm thuê, ông cũng đi làm thuê. Chi phí trong gia đình do vợ và con ông đi làm ở thành phố Hồ Chí Minh bỏ ra.

Nguyện vọng: Ông đồng ý trả cho bà C số tiền 130.00.000 đồng, nhưng không đồng ý trả lãi vì ông đã trả lãi cho bà C nhiều rồi.

Theo các lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ T trình bày thể hiện trong hồ sơ:

Bà là vợ của ông Đ, bà có cùng ông Đ ký tên vào giấy nợ vay của bà C số tiền 60.000.000 đồng. Còn số tiền 40.000.000 đồng ông Đ vay sau và 30.000.000 đồng trước đây là ông Đ tự vay không có nói gì với bà nên bà không biết gì cả. Nay bà chỉ đồng ý cùng ông Đ trả cho bà C số tiền 60.000.000 đồng, còn số tiền còn lại và tiền lãi bà không đồng ý trả, để ông Đ tự giải quyết với bà C.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Thẩm phán chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn. Nguyên đơn, bị đơn bà T đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn ông Đ đã không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

2. Việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 466, 468, 469, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị C.

- Buộc ông Đỗ Văn Đ và bà Nguyễn Thị Mỹ T có trách nhiệm trả cho bà C số tiền 100.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 22-3-2018 đến nay.

- Buộc ông Đỗ Văn Đ có trách nhiệm trả cho bà C số tiền 30.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 22-3-2018 đến nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Mỹ T vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông Đỗ Văn Đ vắng mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông Đ là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Thực tế, bà C và ông Đ thống nhất xác định ông Đ có vay tiền của bà C cụ thể các lần như sau:

[2.1] Lần 1 ngày 24-01-2018 ông Đ, bà T vay số tiền 60.000.000 có làm giấy tay do ông Đ viết và ông Đ, bà T ký tên, không thỏa thuận có lãi suất, trong giấy hẹn 20 ngày sau trả. Lần 02 ngày 15-02-2018 ông Đ vay số tiền 20.000.000 đồng, có làm giấy tay do ông Đ viết và ký tên, trong giấy không hẹn ngày trả; lần 03 ngày 22-3-2018 ông Đ vay số tiền 20.000.000 đồng có làm giấy tay do ông Đ viết và ký tên, trong giấy không có hẹn ngày trả. Tuy trong các giấy vay tiền trên bà C và ông Đ, bà T đều không ghi lãi suất. Nhưng qua làm việc và đối chất giữa các bên đều thừa nhận có thỏa thuận lãi suất 9%/ tháng. Như vậy, đối với giao dịch dân sự giữa bà C với ông Đ, bà T ngày 24-01-2018 là hợp đồng vay xác định thời hạn và có lãi; đối với giao dịch dân sự giữa bà C và ông Đ trong ngày 15-02-2018, ngày 22-3-2018 là hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi theo quy định tại Điều 469, 470 Bộ luật Dân sự 2015.

[2.2] Đối với số tiền 30.000.000 đồng theo "Giấy thỏa thuận" ngày 29-9-2017", số tiền này theo hồ sơ thụ lý vụ án số 113 ngày 30-5-2017 thể hiện do ông Đ vay của bà C làm 02 lần cụ thể là: ngày 01-7-2014 vay 10.000.000 đồng và ngày 20-02-2014 vay 20.000.000 đồng. Do đó, phải áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự 2005 để giải quyết. Tuy nhiên, khi Tòa án tiến hành hòa giải thì ông Đ và bà C thống nhất bà C rút yêu cầu đối với số tiền này. Sau đó, hai bên đã lập một thỏa thuận mới vào ngày 19-9-2017. Theo đó, ông Đ hẹn trả dần số tiền này trong vòng 03 bắt đầu từ ngày 19-11-2017 đến ngày 19-01-2018 là kết thúc, thỏa thuận miệng lãi suất là 9%/ tháng. Sau khi hết thời gian theo thỏa thuận ông Đ không trả tiền cho bà C nên hai bên phát sinh tranh chấp. Do đó, áp dụng quy định Điều 470 Bộ luật Dân sự 2015 xác định đây là hợp đồng vay xác định thời hạn, có lãi.

[2.3] Xét việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của bà C: Tại đơn khởi kiện bà yêu cầu ông Đ, bà T trả số tiền 130.00.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 22-3-2018 đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm. Nay bà thay đổi yêu cầu như sau: Bà yêu cầu vợ chồng ông Đ, bà T trả cho bà số tiền gốc 100.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 22-3-2018 đến

ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm. Yêu cầu một mình ông Đ có trách nhiệm trả cho bà số tiền 30.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 22-3-2018 đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm. Việc thay đổi yêu cầu của bà C không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Xét yêu cầu của bà C đối với số tiền gốc:

[2.4.1] Đối với số tiền vay 100.000.000 đồng nhận thấy: Số tiền vay 60.000.000 đồng cả ông Đ và bà T đều thừa nhận có vay số tiền trên, có ký tên vào giấy mượn tiền và trong giấy mượn tiền thể hiện rõ sau 20 ngày sẽ hoàn trả lại tiền gốc nhưng đến nay ông Đ, bà T vẫn chưa trả. Từ đó cho thấy ông Đ, bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 470 Bộ luật Dân sự 2015 nên phải có trách nhiệm trả lại tiền cho bà C.

Đối với số tiền vay 40.000.000 đồng trong 02 lần vay ngày 15-02-2018, ngày 22-3-2018, trong giấy mượn tiền không thể hiện ngày hẹn trả, nhưng hai bên cũng thừa nhận rằng bà C đã nhiều lần đến gặp ông Đ yêu cầu trả tiền nhưng do ông Đ mua bán thua lỗ chưa có tiền trả bà C. Tuy ông Đ, bà T đều xác định 02 lần vay tiền này không có mặt của bà T nhưng ông Đ thừa nhận ông vay tiền trong thời kỳ ông và bà T còn là vợ chồng. Mặt khác, ông Đ nói với bà C là vay tiền để làm vốn kinh doanh mua bán gạo đây là nguồn thu nhập chính của gia đình. Tức là, nhằm mục đích phát triển khối tài sản chung của ông Đ và bà T. Do đó, ông Đ, bà T phải có trách nhiệm thanh toán số tiền trên cho bà C.

[2.4.2] Đối với số tiền gốc 30.000.000 đồng theo giấy thỏa thuận ngày 19-9-2017. Đối với số tiền này bà C yêu cầu một mình ông Đ trả, trong giấy thỏa thuận chỉ có một mình ông Đ viết và ký tên, ông Đ và bà C đều thừa nhận đây là nợ riêng của ông Đ. Theo thỏa thuận đến ngày 19-01-2018 ông Đ phải trả xong cho bà C số tiền trên nhưng ông Đ không thực hiện. Do ông Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà C yêu cầu ông trả lại số tiền 30.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[2.5] Xét yêu cầu tính lãi suất của bà C: Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều thừa nhận: Tuy trong giấy vay tiền không có ghi lãi suất nhưng thực tế hai bên thỏa thuận lãi suất là 9%/ tháng. Ông Đ cho rằng ông trả lãi mỗi tháng 9.000.000 đồng tiền lãi cho bà C, từ lúc vay đến khoảng tháng 6-2019 thì ngưng, nhưng đóng được bao nhiêu tiền thì ông không biết và việc ông trả lãi không có làm giấy, ông cũng không có chứng cứ gì chứng minh cho việc trả lãi của mình. Bà C trình bày rằng tuy thỏa thuận lãi suất như vậy nhưng ông Đ không có trả cho bà được số tiền lãi nào cả. Do ông Đ không chứng minh được việc trả lãi của mình nên ông phải có trách nhiệm trả tiên lãi cho bà C theo quy định pháp luật.

Về mức lãi suất, hai bên có thỏa thuận mức lãi suất là 9%/ tháng, mức lãi suất này vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 01 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 là 20%/ năm. Do hai bên có tranh chấp về lãi suất nên mức lãi được tính sẽ bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 01 tức là 10%/ năm theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị Quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019.

Về thời gian trả lãi tuy hợp đồng vay giữa bà C và ông Đ được xác lập vào nhiều thời điểm khác nhau, nhưng bà C chỉ yêu cầu tính lãi từ ngày 22-3-2018 đến khi vụ án được đưa ra xét xử sơ thẩm là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Số tiền gốc 100.000.000 đồng tính lãi 0,833%/tháng tính từ ngày 22-3-2018 đến 04-12-2019 = 20 tháng 12 ngày x 0,833%/tháng x 100.000.000 đồng= 16.993.000 đồng.

- Số tiền gốc 30.000.000 đồng tính lãi 0,833%/tháng tính từ ngày 22-3-2018 đến 18-11-2019 = 20 tháng 12 ngày x 0,833%/tháng x 30.000.000 đồng= 5.098.000 đồng.

Từ những căn cứ trên nghĩ nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản của bà C đối với ông Đ, bà T số tiền được tính như sau:

Ông Đ và bà T cùng có trách nhiệm trả cho bà C số tiền gốc 100.000.000 đồng + tiền lãi phải trả 16.993.000 đồng = 116.993.000 đồng.

Ông Đ có trách nhiệm trả cho bà C số tiền gốc 30.000.000 đồng + tiền lãi phải trả 5.098.000 đồng = 35.098.000đồng.

[5] Như phân tích trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[6] Án phí: Ông Đ, bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 466, 468, 469, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị C.

- Buộc ông Đỗ Văn Đ và bà Nguyễn Thị Mỹ T cùng có trách nhiệm trả cho bà C số tiền 116.993.000 (Một trăm mười sáu triệu chín trăm chín mươi ba nghìn) đồng.

- Buộc ông Đỗ Văn Đ có trách nhiệm trả cho bà C số tiền 35.098.000 (Ba mươi lăm triệu không trăm chín mươi tám nghìn) đồng.

3. Về án phí:

- Ông Đỗ Văn Đ và bà Nguyễn Thị Mỹ T phải chịu chung số tiền 5.850.000 (Năm triệu tám trăm năm mươi nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Đỗ Văn Đ phải chịu số tiền 1.755.000 (Một triệu bảy trăm năm mươi lăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại bà Hồ Thị C số tiền 4.250.000 (Bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017591 ngày 08 tháng 10 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng.

4. Quyền kháng cáo: Bà C có quyền kháng cáo bản án lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà T, ông Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Trảng Bàng;
- Chi cục THADS huyện Trảng Bàng;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Hà Như Thủy